

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định một số chế độ, định mức chi đảm bảo điều kiện hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Hòa Bình, nhiệm kỳ 2021-2026

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 524/2012/NQ-UBTVQH13 ngày 20 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

Xét Tờ trình số 146/TTr-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình đề nghị ban hành Nghị quyết về việc Quy định một số chế độ, định mức chi tiêu đảm bảo điều kiện hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Hòa Bình, nhiệm kỳ 2021-2026; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chế độ, định mức chi đảm bảo điều kiện hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Hòa Bình nhiệm kỳ 2021-2026.

Điều 2: Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình Khóa XVII, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 29 tháng 7 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2021. /.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh (CT, các PCT);
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, TP;
- LĐVP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- TT tin học và Công báo VP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

Bùi Đức Hình

QUY ĐỊNH

**Một số chế độ, định mức chi đảm bảo điều kiện hoạt động
của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Hòa Bình, nhiệm kỳ 2016 - 2021**
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND
ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi áp dụng

Chế độ, định mức chi tại Nghị quyết này được áp dụng đối với các hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Hòa Bình, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

2. Đối tượng áp dụng

Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, cán bộ, công chức, người lao động làm việc tại cơ quan tham mưu giúp việc Hội đồng nhân dân các cấp.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc chi đảm bảo điều kiện hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2021-2026 phải phù hợp với khả năng cân đối ngân sách được giao trong dự toán ngân sách đầu năm, do cấp có thẩm quyền phê duyệt; bảo đảm kịp thời, thống nhất mức chi, mục chi, đối tượng chi trên cơ sở chế độ, định mức tại Quy định này và các quy định có liên quan của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Hội đồng nhân dân các cấp có trách nhiệm trong quản lý và sử dụng kinh phí được phân bổ, đảm bảo thực hiện đúng quy định của Luật ngân sách Nhà nước, Luật phòng chống tham nhũng và Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Các khoản chi hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp không có trong quy định này được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

4. Đối với các nội dung chi chưa quy định cụ thể định mức chi, Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp căn cứ dự toán ngân sách giao hàng năm và tình

hình hoạt động thực tế của Hội đồng nhân dân cấp mình, quyết định mức chi hoặc hỗ trợ kinh phí cho phù hợp.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Chế độ, định mức chi đảm bảo các điều kiện hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Chi hoạt động kỳ họp

- a) Chi chế độ bồi dưỡng Chủ tọa kỳ họp: 500.000 đồng/người/ngày.
- b) Chi chế độ bồi dưỡng Thư ký kỳ họp: 300.000 đồng/người/ngày.
- c) Chi chế độ bồi dưỡng cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; phóng viên báo, đài và cán bộ y tế, bảo vệ phục vụ kỳ họp: 150.000 đồng/người/ngày.
- d) Chi tiền ăn cho Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, khách mời dự Kỳ họp và cán bộ, công chức, nhân viên phục vụ kỳ họp: Mức chi 250.000 đồng/người/ngày.
- e) Đại biểu khách mời, đại biểu Hội đồng nhân dân ở các huyện về dự họp Hội đồng nhân dân tỉnh được bố trí phòng nghỉ; Mức chi tiền phòng nghỉ thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước.

f) Chế độ chè, nước giải khát: Thực hiện theo quy định hiện hành.

g) Chế độ làm ngoài giờ: Trước, trong và sau các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh: cán bộ, công chức, người lao động phải làm thêm giờ (*ngoài giờ hành chính, các ngày nghỉ*) được thanh toán tiền làm thêm giờ theo quy định hiện hành.

2. Chi họp Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh; phiên họp thường kỳ của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; họp thẩm tra của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; họp lấy ý kiến đóng góp vào dự thảo Luật, pháp lệnh; họp lấy ý kiến vào dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh; họp tham vấn ý kiến nhân dân (nếu có).

- a) Chi hỗ trợ chủ trì cuộc họp: 200.000 đồng/người/buổi.
- b) Chi hỗ trợ thành viên mời dự họp; cán bộ, công chức, nhân viên Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh phục vụ trực tiếp cuộc họp; phóng viên báo, đài: 100.000 đồng/người/buổi.

c) Chế độ chè, nước giải khát: Thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Chi cho công tác giám sát, khảo sát

- a) Chi xây dựng văn bản giám sát.
 - Chi xây dựng Quyết định thành lập đoàn giám sát: 1.000.000 đồng/văn bản;
 - Chi xây dựng kế hoạch và đề cương giám sát: 2.000.000 đồng/văn bản;
 - Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát đối với từng đơn vị giám sát: 1.500.000 đồng/báo cáo;

- Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát chung của đoàn giám sát: 3.000.000 đồng/báo cáo.

b) Chi xây dựng văn bản khảo sát:

- Chi xây dựng kế hoạch, đề cương khảo sát: 1.500.000 đồng/văn bản;

- Chi xây dựng báo cáo kết quả khảo sát: 1.500.000 đồng/báo cáo;

c) Chi cho thành viên đoàn giám sát, khảo sát và các cuộc họp giám sát, khảo sát:

- Trưởng đoàn giám sát, khảo sát: 200.000 đồng/người/buổi.

- Thành viên đoàn giám sát, khảo sát: 100.000 đồng/người/buổi.

- Cán bộ, công chức, người lao động phục vụ đoàn giám sát, khảo sát; phóng viên báo, đài: 80.000 đồng/người/buổi.

4. Chi hoạt động chất vấn, giải trình:

a) Chi hoạt động chất vấn:

- Chi cho việc xây dựng các văn bản phục vụ hoạt động chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh và phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh: các báo cáo, kế hoạch chi tiết; biên bản tóm tắt nội dung chất vấn, trả lời chất vấn, mức chi tối đa là 1.000.000 đồng/văn bản.

- Chi cho xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến chất vấn trình Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, mức chi tối đa là 2.000.000 đồng/báo cáo.

b) Chi cho hoạt động giải trình: Chi cho việc xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả giải trình, mức chi tối đa là 2.000.000 đồng/báo cáo.

5. Chi hỗ trợ tiếp xúc cử tri

a) Khoản kinh phí tiếp xúc cử tri cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, mức chi: 3.000.000 đồng/đại biểu/năm. Riêng năm chuyển giao nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh (không bao gồm đại biểu tái cử) được hỗ trợ bằng 50% mức trên.

b) Chi hỗ trợ cho mỗi điểm tiếp xúc cử tri, chi phí tối đa không quá 4.000.000 đồng/điểm/cuộc nhằm trang trải chi phí cần thiết như: trang trí, thuê địa điểm, tiền nước uống và các khoản chi khác.

c) Cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tham gia phục vụ tiếp xúc cử tri và phóng viên báo, đài: 80.000 đồng/buổi.

d) Chi xây dựng báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri theo tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo/đợt tiếp xúc cử tri.

e) Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri trình Hội đồng nhân dân tỉnh, mức chi tối đa: 2.000.000 đồng/báo cáo.

6. Chi tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo:

Thực hiện theo Nghị quyết số 57/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung mức chi cụ thể đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại tố cáo, phản ánh.

7. Chi hỗ trợ công tác xây dựng và ban hành văn bản

a) Mức chi bồi dưỡng xây dựng văn bản, tài liệu phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể:

- Chi rà soát nội dung, thể thức, kỹ thuật hoàn thiện nghị quyết trước và sau khi thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh, mức chi tối đa 2.000.000 đồng/Nghị quyết;
- Xây dựng báo cáo kết quả kỳ họp: 2.000.000 đồng/báo cáo;
- Xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận tổ và tại Hội trường: 2.000.000 đồng/báo cáo.

b) Chi xây dựng chương trình, kế hoạch công tác; báo cáo tổng kết hàng năm, nhiệm kỳ của Đảng đoàn Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể:

- Xây dựng báo cáo kết quả công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân; các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh định kỳ trình kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh: 2.000.000 đồng/báo cáo;
- Xây dựng báo cáo tổng kết nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân; Thường trực Hội đồng nhân dân; các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh: 2.000.000 đồng/báo cáo;
- Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác hàng năm; báo cáo của Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh hàng năm; tờ trình Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh, mức chi tối đa 2.000.000 đồng/văn bản;
- Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác nhiệm kỳ của Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh, mức chi tối đa là 2.500.000 đồng/văn bản;
- Chi xây dựng báo cáo tổng kết nhiệm kỳ của Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh, mức chi tối đa là 3.000.000 đồng/báo cáo.

c) Chi cho công tác xây dựng báo cáo thẩm tra của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh đối với các báo cáo, các dự thảo Nghị quyết trình tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể:

- Đối với dự thảo Nghị quyết mới, hoặc thay thế, mức chi 2.000.000 đồng/báo cáo thẩm tra;
- Đối với dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung, mức chi 1.500.000 đồng/báo cáo thẩm tra;
- Đối với báo cáo mức chi 2.000.000 đồng/báo cáo.

d) Chi xây dựng báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về tiếp thu, giải trình, chỉnh lý dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, mức chi tối đa 2.000.000 đồng/báo cáo

e) Chi xây dựng báo cáo thẩm tra các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến: 2.000.000 đồng/báo cáo.

f) Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia các dự án luật, pháp lệnh và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật khác theo yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, ngành: 800.000 đồng/báo cáo.

8. Chế độ công tác phí, hội nghị

Ngoài chế độ công tác phí, chế độ tổ chức các cuộc họp theo quy định hiện hành của Nhà nước, chế độ chi trong một số trường hợp được quy định như sau:

a) Hội đồng nhân dân tỉnh thanh toán toàn bộ tiền công tác phí theo quy định cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khi tham gia các hoạt động tiếp xúc cử tri, giám sát, khảo sát, tham gia hoạt động nghiên cứu, trao đổi, học tập kinh nghiệm theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Chi tiền ăn, nghỉ tại hội nghị và khi đi công tác:

Các hội nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh (*như hội nghị giao ban Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh với Hội đồng nhân dân các cấp hàng quý, các phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, họp thẩm tra của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; họp tổng kết năm của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; họp tổng kết nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân tỉnh*): Trong trường hợp tổ chức ăn, nghỉ tập trung, cơ quan tổ chức hội nghị chi trả tiền ăn, nghỉ và tiền ăn dọc đường của các đoàn công tác (nếu có) thì chi tối đa theo mức tiền ăn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

Các ngày tham dự hội nghị, ngày đi công tác đã được thanh toán tiền ăn thì không được thanh toán tiền phụ cấp lưu trú.

9. Chi hỗ trợ và các điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được cấp tiền may 02 (hai) bộ lễ phục, mức chi: 5.000.000 đồng/bộ.

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được trang cấp một máy tính xách tay hoặc máy tính bảng.

c) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đại biểu.

d) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được cấp vật tư văn phòng phục vụ hoạt động đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, mức chi do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trên cơ sở dự toán ngân sách được cấp.

e) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được cấp tài liệu bao gồm: Báo đại biểu nhân dân, phí khai thác internet (mức chi cụ thể: 100.000 đồng/người/tháng), kỷ yếu Hội đồng nhân dân, bản tin hoạt động Hội đồng nhân dân tỉnh.

f) Chi hỗ trợ tiền văn phòng phẩm; phí khai thác internet; tìm kiếm, tra cứu thông tin; nghiên cứu tài liệu đối với các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động kiêm nhiệm, mức chi như sau:

- Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh: 700.000 đồng/người/tháng;

- Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh: 600.000 đồng/người/tháng;
- Thành viên các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; Tổ trưởng các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh: 300.000 đồng/người/tháng.

g) Chế độ hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ, nghỉ dưỡng hàng năm:

Ngoài các chế độ theo quy định, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được hỗ trợ kinh phí khám, chăm sóc sức khỏe, nghỉ dưỡng hàng năm theo mức không quá 3.000.000 đồng/đại biểu/năm. Riêng năm chuyển giao nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh (*không bao gồm đại biểu tái cử*) được hỗ trợ bằng 50% mức trên.

h) Chi hỗ trợ kinh phí cho Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tham gia ý kiến, xây dựng dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh. Mức chi cụ thể như sau:

- Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh: 10.000.000 đồng/kỳ họp thường lệ;

- Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Phó Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh: 8.000.000 đồng/kỳ họp thường lệ;

- Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh: 5.000.000 đồng/kỳ họp thường lệ;

- Trưởng phòng các phòng chuyên môn thuộc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh 4.000.000 đồng/kỳ họp thường lệ;

- Phó Trưởng các phòng chuyên môn thuộc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh: 3.000.000 đồng/kỳ họp thường lệ;

- Công chức các phòng chuyên môn: 2.000.000 đồng/kỳ họp thường lệ.

k) Cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh được cấp tiền may 01 bộ lễ phục với mức chi 5.000.000 đồng/bộ.

l) Chi tiền trợ cấp lễ, tết, ăn trưa cho cán bộ, công chức, người lao động

- Cán bộ, công chức, người lao động được hỗ trợ tiền ăn trưa hàng tháng. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trên cơ sở cân đối nguồn kinh phí được giao;

- Tiền trợ cấp lễ, tết và các chế độ phúc lợi khác đối với cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện từ nguồn kinh phí tự chủ do Chánh Văn phòng quyết định, được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

10. Chế độ tặng quà đối với các đối tượng chính sách - xã hội

Chế độ tặng quà được thực hiện đối với các đối tượng sau: Các đối tượng chính sách, các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, trong lao động sản xuất, có đóng góp với hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh; gia đình

và cá nhân gặp rủi ro do thiên tai; các tập thể thuộc diện chính sách xã hội, như: trại điều dưỡng thương binh, bệnh binh, trại trẻ mồ côi, người khuyết tật; trường dân tộc nội trú; các xã, thôn, bản thuộc vùng đặc biệt khó khăn, các xã an toàn khu,... khi Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức thăm hỏi thì được tặng quà. Mức giá trị quà tặng tối đa cho mỗi lần thăm hỏi như sau: Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, các Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh đến thăm hỏi tặng quà cho tập thể mức cao nhất là 3.000.000 đồng/lần; tặng quà cho cá nhân mức cao nhất là 700.000 đồng/lần.

11. Chế độ tặng quà lưu niệm

Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh được tặng quà khi nghỉ hưu, chuyển công tác và kết thúc nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân tỉnh; mức chi do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trên cơ sở cân đối nguồn kinh phí được giao.

12. Chế độ thăm hỏi trợ cấp

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khi bị ốm phải điều trị tại bệnh viện được chi tiền thăm hỏi: 1.000.000 đồng/người/lần. Trường hợp bị bệnh hiểm nghèo, phải điều trị kéo dài thì mức chi trợ cấp một lần tối đa không quá 3.000.000 đồng/người/năm;

b) Mức chi viếng đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh từ trần: 2.000.000 đồng;

c) Mức chi viếng cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (chồng), vợ (chồng), con đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh từ trần: 1.000.000 đồng/người.

Điều 4. Chế độ, định mức chi đảm bảo điều kiện hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp huyện.

1. Chi hoạt động kỳ họp Hội đồng nhân dân:

a) Mức tiền ăn cho Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện, khách mời dự Kỳ họp và cán bộ, công chức, nhân viên phục vụ kỳ họp: Mức chi tối đa không quá 200.000 đồng/người/ngày. Riêng thành phố Hòa Bình áp dụng mức chi tối đa không quá 220.000 đồng/người/ngày;

b) Chế độ chè, nước giải khát: Thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Chi xây dựng báo cáo thẩm tra

a) Chi xây dựng báo cáo thẩm tra đối với các dự thảo Nghị quyết mới hoặc thay thế: Mức chi tối đa 800.000 đồng/báo cáo;

b) Chi xây dựng báo cáo thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết đối với dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung: Mức chi tối đa 500.000 đồng/báo cáo.

3. Chi rà soát nội dung, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết trước và sau khi thông qua Hội đồng nhân dân.

a) Đối với dự thảo Nghị quyết mới hoặc thay thế: Mức chi tối đa 800.000 đồng/Nghị quyết;

b) Đối với dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều: Mức chi tối đa 500.000 đồng/Nghị quyết.

4. Chi công tác giám sát:

Chi chế độ đoàn giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân. Mức chi cụ thể:

- a) Trưởng đoàn: 100.000 đồng/người/buổi;
- b) Thành viên của đoàn giám sát: 80.000 đồng/người/buổi;
- c) Cán bộ, công chức và người lao động phục vụ: 50.000 đồng/người/buổi.

5. Chi công tác tiếp xúc cử tri: Chi hỗ trợ hoạt động tiếp xúc cử tri tối đa 2.000.000 đồng/tổ/đợt tiếp xúc cử tri nhằm trang trải chi phí như: trang trí, thuê địa điểm, nước uống và các khoản chi khác.

6. Các chế độ khác, gồm có: Chi chế độ quà tặng đối với cá nhân, đơn vị; các đối tượng chính sách - xã hội có hoàn cảnh khó khăn; chi hỗ trợ tiền may trang phục; chi khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ; thăm hỏi ốm đau, phúng viếng, trợ cấp, hỗ trợ khó khăn đột xuất đối với đại biểu Hội đồng nhân dân; chi hoạt động nghiên cứu, trao đổi, học tập kinh nghiệm; chi tổng kết công tác năm của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện; chi khác.

Điều 5. Chế độ, định mức chi đảm bảo điều kiện hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp xã

1. Chi hoạt động kỳ họp Hội đồng nhân dân

a) Mức tiền ăn cho Đại biểu Hội đồng nhân dân xã, khách mời dự kỳ họp và cán bộ, công chức, nhân viên phục vụ kỳ họp: Mức chi 150.000 đồng/người/ngày;

b) Chế độ chè, nước giải khát: Thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Chi xây dựng báo cáo thẩm tra

a) Chi xây dựng báo cáo thẩm tra đối với các dự thảo Nghị quyết mới hoặc thay thế: Mức chi tối đa 150.000 đồng/báo cáo;

b) Đối với dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung: Mức chi tối đa 100.000 đồng/báo cáo.

3. Chi công tác giám sát

Chi chế độ đoàn giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân. Mức chi cụ thể:

- a) Trưởng đoàn: 80.000 đồng/người/buổi;
- b) Thành viên của đoàn giám sát: 50.000 đồng/người/buổi.

4. Chi công tác tiếp xúc cử tri: Chi hỗ trợ hoạt động tiếp xúc cử tri tối đa 1.000.000 đồng/tổ/đợt tiếp xúc cử tri nhằm trang trải chi phí như: trang trí, thuê địa điểm, nước uống và các khoản chi khác.

5. Các chế độ khác, gồm có: Chi chế độ quà tặng đối với cá nhân, đơn vị; các đối tượng chính sách - xã hội có hoàn cảnh khó khăn; chi hỗ trợ tiền may trang phục; chi khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ; thăm hỏi ốm đau, phúng viếng, trợ cấp, hỗ trợ khó khăn đột xuất đối với đại biểu Hội đồng nhân dân; chi hoạt động nghiên cứu, trao đổi, học tập kinh nghiệm; chi tổng kết công tác năm của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân; chi khác.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ vào các chế độ, định mức chi tiêu hiện hành của Nhà nước và các quy định về chế độ, định mức chi tiêu tài chính tại Nghị quyết này. Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện để đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2021-2026 có hiệu quả.

2. Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân ở nhiều cấp, đại biểu có chức danh do Hội đồng nhân dân bầu hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân phê chuẩn thì chỉ được hưởng một lần ở mức chi cao nhất.

3. Khi phát sinh các nhiệm vụ chi có mức chi tối đa thì đơn vị lập dự toán gửi cơ quan tài chính cùng cấp, căn cứ khả năng ngân sách báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét quyết định cho phù hợp với tình hình thực tế.

4. Các chế độ, định mức chi đảm bảo điều kiện hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã chưa được quy định cụ thể như Hội đồng nhân dân tỉnh thì cơ quan tài chính cùng cấp căn cứ vào Nghị quyết này và điều kiện của từng địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định cụ thể định mức chi tiêu theo nguyên tắc:

a) Mức chi đối với Hội đồng nhân dân cấp huyện không quá 70% mức chi của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Mức chi đối với Hội đồng nhân dân cấp xã không quá 70% mức chi của Hội đồng nhân dân cấp huyện.

5. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan định kỳ 03 năm (ba năm) một lần, rà soát chế độ và định mức tại Nghị quyết này, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Hòa Bình./.